

Cập nhật Ngành Ngân hàng Q3/2026

Lợi nhuận tăng trưởng vững chắc, chất lượng tài sản suy giảm

Tháng 11/2026

S&I Ratings

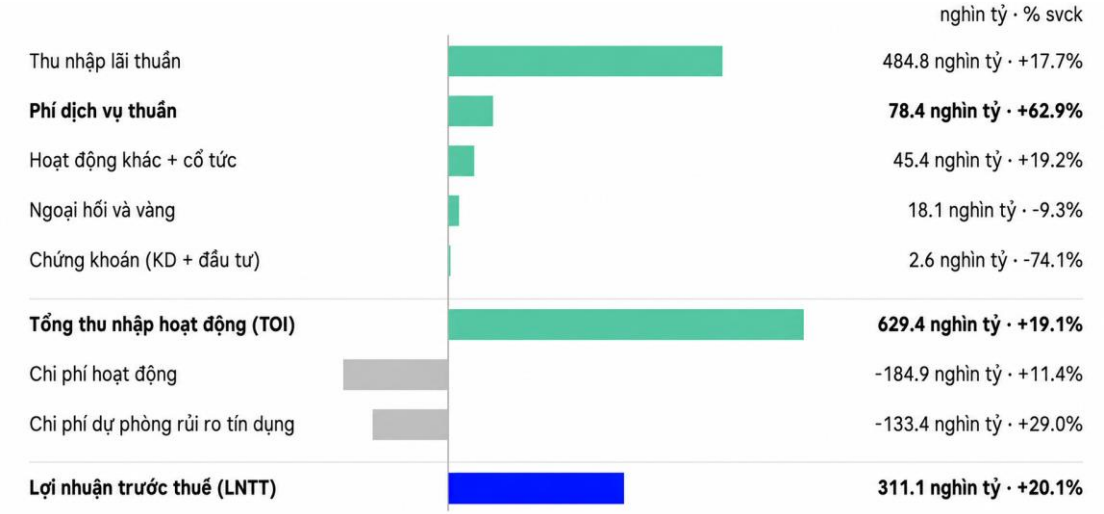
Lợi nhuận tiếp tục tăng mạnh, dù áp lực dự phòng gia tăng

- **Tăng trưởng thu nhập hoạt động tiếp tục tăng tốc trong Q3/2026.** Tổng thu nhập hoạt động (TOI) của 27 ngân hàng niêm yết đạt 221.9 nghìn tỷ đồng trong quý 3, tăng 22.9% svck. Lũy kế 9 tháng đầu năm, TOI đạt 629.4 nghìn tỷ đồng (+19.1% svck), cao hơn mức tăng lũy kế 6 tháng (+17.1%) và quý 1 (+15.3%), cho thấy đà tăng vững chắc qua từng quý. Động lực chính đến từ thu nhập lãi thuần tăng 17.7% svck (cùng kỳ 9T/2025 chỉ tăng 9.3%) và thu từ hoạt động dịch vụ tăng mạnh 62.9% svck.

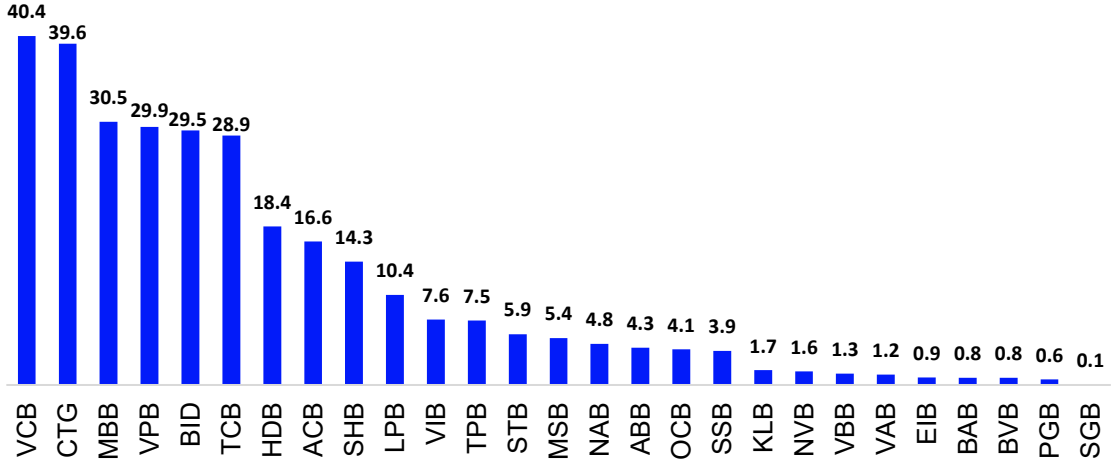
- **Lợi nhuận tăng trưởng tích cực nhờ kiểm soát tốt chi phí hoạt động, song áp lực dự phòng gia tăng.** Lợi nhuận trước thuế (LNTT) lũy kế 9T/2026 đạt 311.1 nghìn tỷ đồng (+20.1% svck), cao hơn mức tăng trưởng TOI nhờ tổng chi phí hoạt động chỉ tăng 11.4% svck, đưa CIR giảm từ 31.1% quý trước xuống 30.5% cuối Q3/2026. Điểm kém tích cực là chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 29% svck trong 9 tháng đầu năm, riêng quý 3 tăng mạnh 42.4% svck trong bối cảnh chất lượng tài sản suy giảm. Đáng chú ý, con số tăng trưởng lợi nhuận còn có thể tích cực hơn, nếu loại trừ STB với các hoạt động tái cấu trúc mạnh mẽ trong quý ảnh hưởng tiêu cực tới KQKD.

- **Tăng trưởng lợi nhuận tập trung chủ yếu ở nhóm NHTM quốc doanh và NHTMCP lớn.** LNTT 9T/2026 của hai nhóm lần lượt tăng 26.9% và 19.4% svck, đóng góp gần 90% mức tăng lợi nhuận toàn ngành. Trong đó, năm ngân hàng VPB (+46.7%), CTG (+33.9%), MBB (+31.9%), VCB (+22.1%) và BID (+24.8%) dẫn đầu về mức tăng trưởng. Ngược lại, nhóm NHTMCP vừa chỉ tăng 2.5% svck chủ yếu do lợi nhuận tại EIB (-57.8%) và SSB (-41.5%) giảm mạnh. Các ngân hàng quy mô nhỏ ghi nhận mức tăng mạnh 52.1% svck, dẫn dắt bởi NVB (+140.6%), ABB (+105.9%), BVB (+88.9%) và VBB (+52.5%).

Cấu phần thu nhập toàn ngành 9T/2026



LNTT 9T/2026 theo ngân hàng (nghìn tỷ)

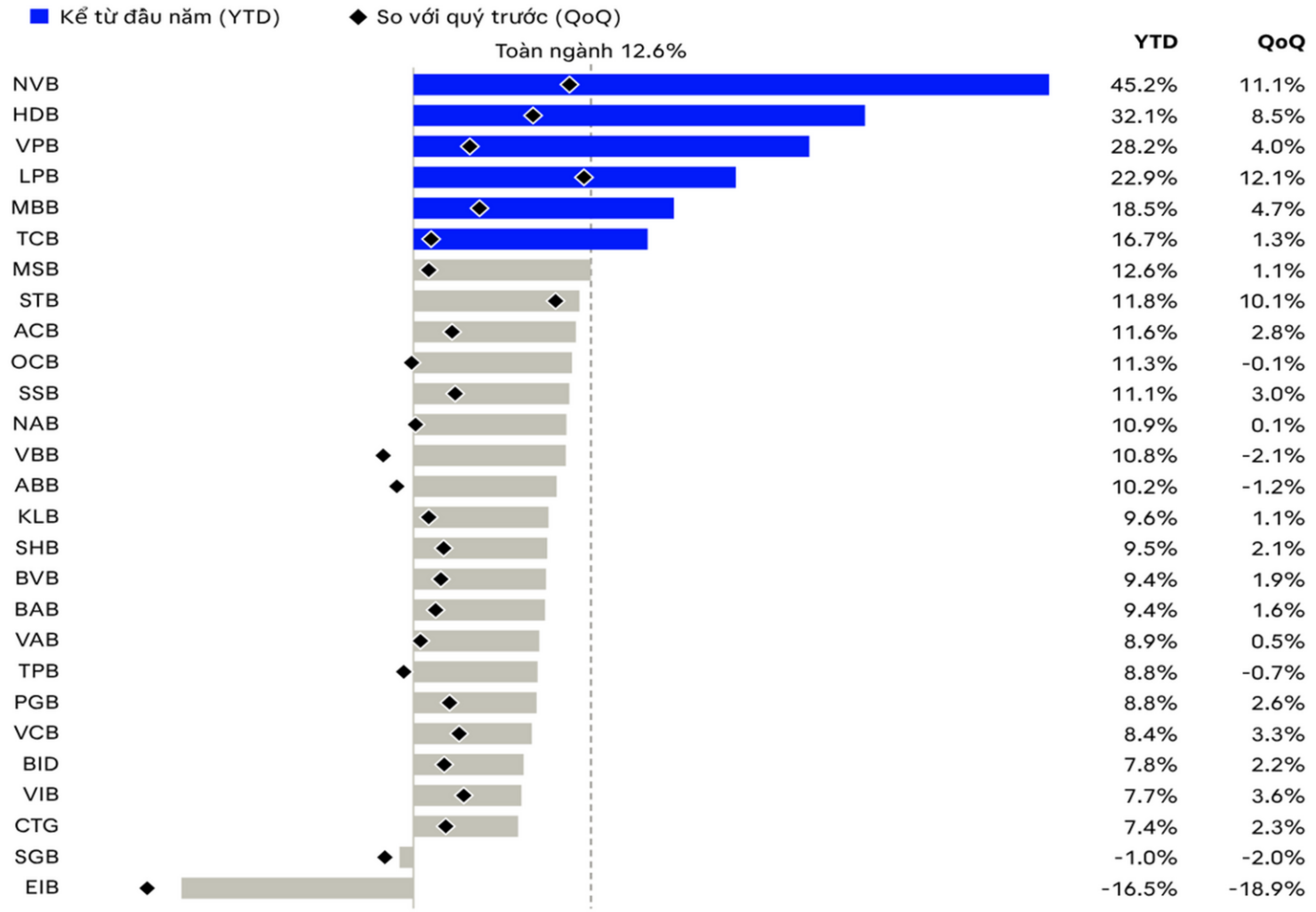


Nguồn: S&I Ratings

Tăng trưởng tín dụng tiếp tục phân hóa mạnh, một số ngân hàng bứt phá trong bối cảnh dư nợ tài trợ các dự án hạ tầng trọng điểm được loại khỏi room tín dụng

S&I Ratings

Tăng trưởng tín dụng theo ngân hàng



	YTD	QoQ
NVB	45.2%	11.1%
HDB	32.1%	8.5%
VPB	28.2%	4.0%
LPB	22.9%	12.1%
MBB	18.5%	4.7%
TCB	16.7%	1.3%
MSB	12.6%	1.1%
STB	11.8%	10.1%
ACB	11.6%	2.8%
OCB	11.3%	-0.1%
SSB	11.1%	3.0%
NAB	10.9%	0.1%
VBB	10.8%	-2.1%
ABB	10.2%	-1.2%
KLB	9.6%	1.1%
SHB	9.5%	2.1%
BVB	9.4%	1.9%
BAB	9.4%	1.6%
VAB	8.9%	0.5%
TPB	8.8%	-0.7%
PGB	8.8%	2.6%
VCB	8.4%	3.3%
BID	7.8%	2.2%
VIB	7.7%	3.6%
CTG	7.4%	2.3%
SGB	-1.0%	-2.0%
EIB	-16.5%	-18.9%

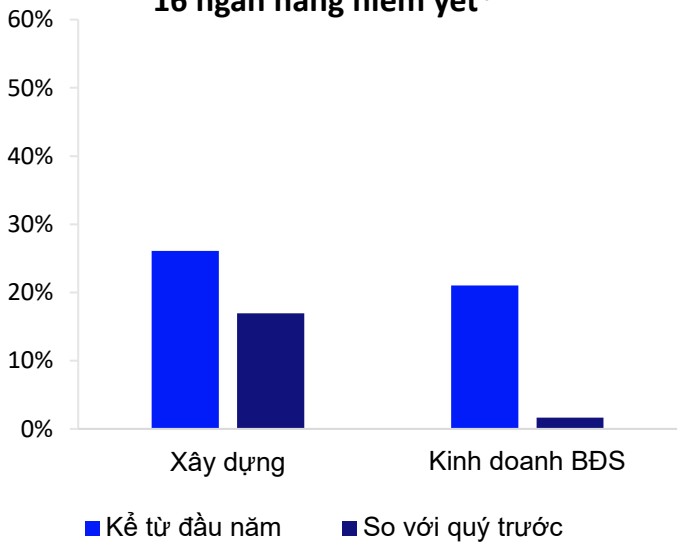
- Tín dụng tại 27 ngân hàng niêm yết trong Q3/2026 tăng 3.2% so với quý trước và lũy kế 12.6% kể từ đầu năm, thấp hơn nhẹ so với cùng kỳ 2025, nhưng vẫn cao hơn mức tăng trưởng của năm 2023 và 2024.
- Nhóm NHTMCP lớn tiếp tục dẫn đầu mức tăng trưởng tín dụng, với mức tăng 4.5% so với quý trước (+18.7% kể từ đầu năm), và đóng góp 55% dư nợ tăng thêm trong quý. Động lực chính vẫn tập trung tại các ngân hàng có hạn mức tín dụng cao, bao gồm HDB (+8.5% svqt), MBB (+4.7% svqt) và VPB (+4.0% svqt).
- Một số ngân hàng khác có mức tăng trưởng tín dụng đột biến trong Q3/2026: LPB (+12.1% svqt), NVB (+11.1% svqt), STB (+10.1% svqt). Đáng chú ý, diễn biến này xuất hiện trong bối cảnh NHNN điều hành tín dụng theo hướng linh hoạt và mở rộng có chọn lọc, điển hình là cơ chế cho phép loại trừ dư nợ tài trợ 18 dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia khỏi room tín dụng. Ngược lại, VBB (-2.2% svqt), ABB (-1.2% svqt), TPB (-0.7% svqt) và OCB (-0.1% svqt) giảm dư nợ so với Q2/2026.

Nguồn: S&I Ratings

Tín dụng lĩnh vực xây dựng tăng mạnh, cơ cấu cho vay tiếp tục tập trung ở phân khúc khách hàng doanh nghiệp và trung dài hạn

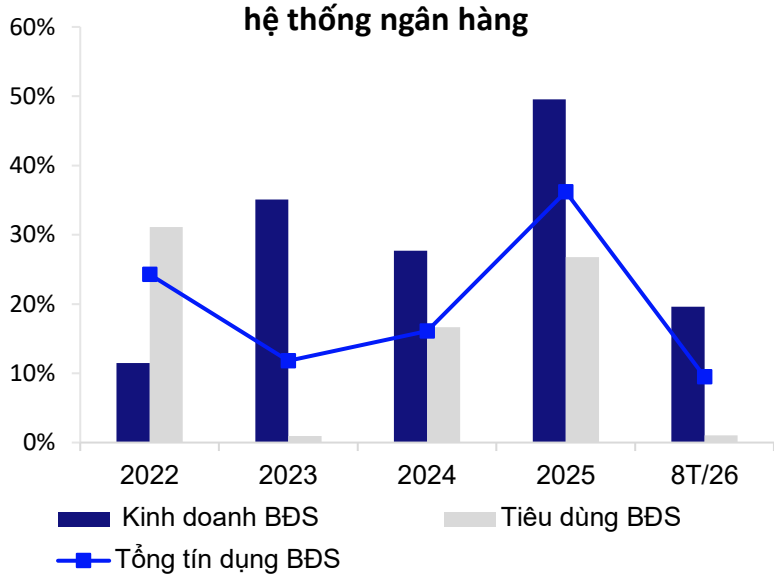
- **Tín dụng xây dựng tăng tốc mạnh, trong khi cho vay kinh doanh bất động sản chững lại.** Dựa trên 16 ngân hàng công bố số liệu chi tiết, cho vay ở lĩnh vực xây dựng có mức tăng mạnh nhất trong Q3/2026 (+15.4% svqt), đưa tăng trưởng lũy kế lên 25.4% trong 9 tháng đầu năm 2026. Diễn biến này phù hợp với xu hướng đẩy mạnh đầu tư các dự án hạ tầng của Việt Nam hiện nay. Ngược lại, dư nợ cho vay kinh doanh bất động sản chỉ tăng 1.6% trong quý, mặc dù vẫn ghi nhận mức tăng 21% kể từ đầu năm. Đáng chú ý, tăng trưởng tín dụng mảng này có sự phân hóa rõ nét giữa các ngân hàng: TPB (+31.4% svqt), ACB (+25% svqt), HDB (+9.5% svqt) và MBB (+7.3% svqt) vẫn tăng mạnh, trong khi VIB (-6.4% svqt), TCB (-3.7% svqt), VPB (-1.6% svqt) lại giảm dư nợ.
- **Theo kỳ hạn, tín dụng trung & dài hạn tiếp tục tăng nhanh hơn ngắn hạn**, lần lượt đạt 14,6% và 9,8% kể từ đầu năm. Xét theo phân khúc khách hàng, tăng trưởng tín dụng khách hàng doanh nghiệp vẫn là động lực chính tại nhiều ngân hàng, trong khi tín dụng mảng bán lẻ phục hồi không đồng đều. Đáng chú ý, các ngân hàng chuyên bán lẻ LPB, VIB đã chủ động dịch chuyển trọng tâm sang phân khúc khách hàng doanh nghiệp nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, với dư nợ cho vay doanh nghiệp tăng lần lượt 51% và 28% so với đầu năm, trong khi tín dụng mảng khách hàng cá nhân lại sụt giảm 15% và 1%.

TTTD lĩnh vực xây dựng và BĐS, 16 ngân hàng niêm yết*

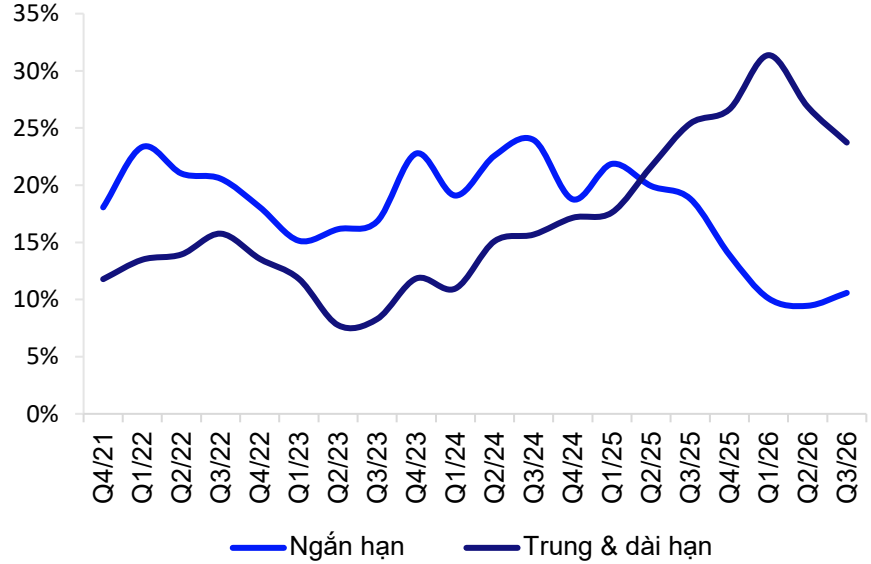


**Bao gồm: ACB, BID, BVB, HDB, KLB, LPB, MBB, MSB, NAB, PGB, SHB, TCB, TPB, VAB, VIB, VPB*

TTTD lĩnh vực BĐS phân theo mục đích, hệ thống ngân hàng

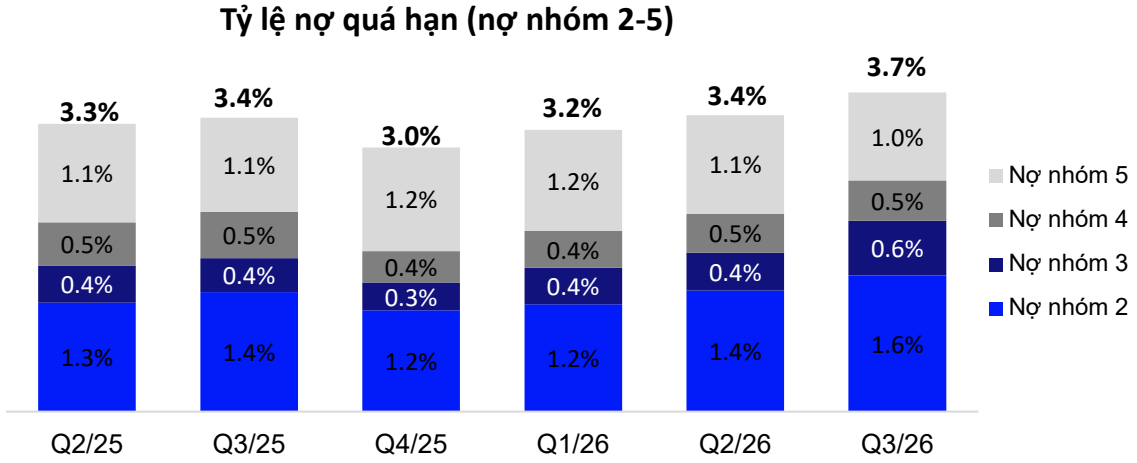


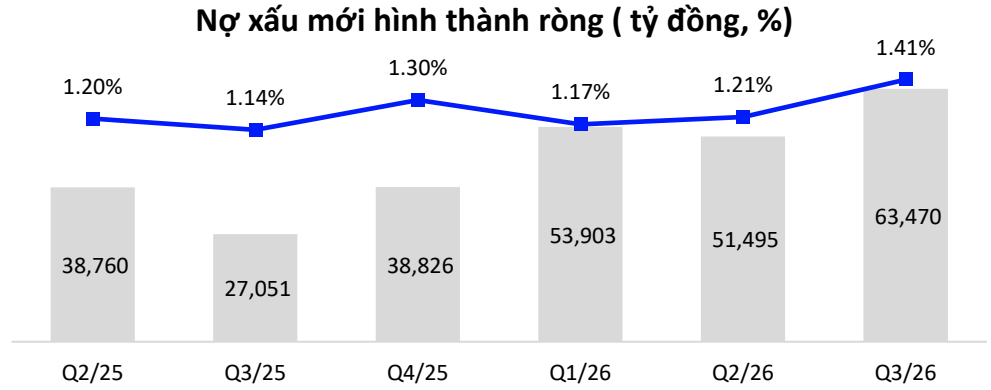
TTTD theo kỳ hạn (so với cùng kỳ)

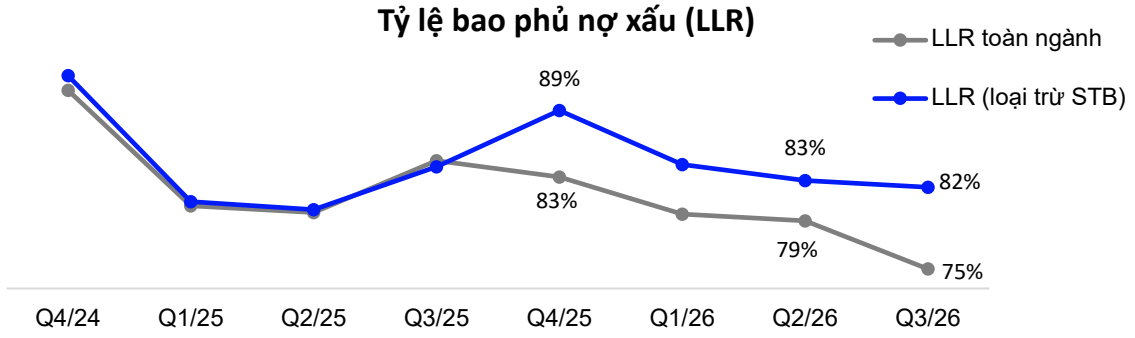


Nguồn: NHNN, S&I Ratings

Chất lượng tài sản suy giảm: Nợ xấu mới hình thành lên cao nhất kể từ Q2/2025







Nguồn: S&I Ratings

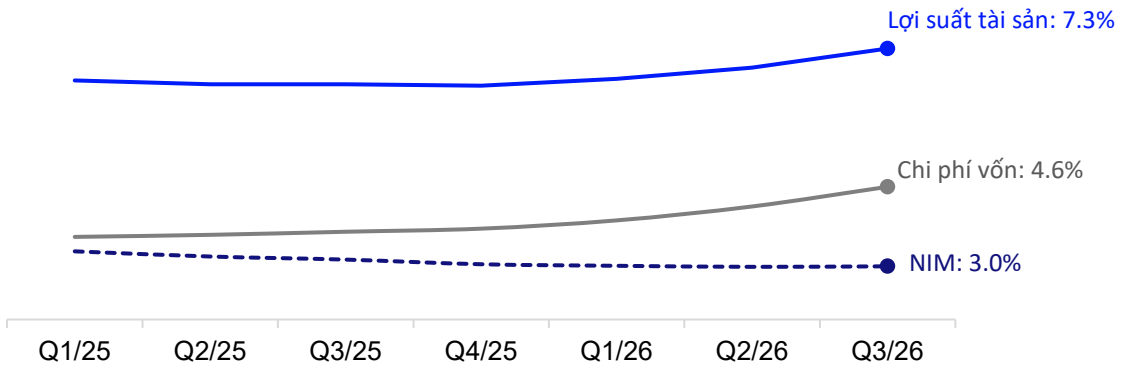
- Tỷ lệ nợ xấu tại 27 ngân hàng niêm yết tăng 8 điểm cơ bản svqt, lên 2.1% trong Q3/2026. Đáng chú ý, nợ xấu hình thành mới tăng hơn 63.5 nghìn tỷ đồng trong quý (+23% svqt), nhưng chủ yếu đến từ STB (19 nghìn tỷ đồng). Nếu loại trừ STB, nợ xấu hình thành mới toàn ngành gần như đi ngang (-1.2% svqt), phản ánh áp lực phát sinh nợ xấu không đồng đều. Dù vậy, một số ngân hàng quy mô lớn vẫn ghi nhận nợ xấu hình thành mới ở mức cao, cụ thể tại HDB (7.6 nghìn tỷ đồng), MBB (7.4 nghìn tỷ đồng) và VPB (6.9 nghìn tỷ đồng). Tỷ lệ nợ xấu tại nhóm NHTMCP lớn cũng tăng mạnh nhất (+16 điểm cơ bản) với HDB (+63 điểm), MBB (+22 điểm) và TCB (+19 điểm), trong khi tỷ lệ nợ xấu tại STB, VPB lại giảm nhờ dư nợ tăng mạnh và đẩy mạnh xử lý nợ xấu trong quý.

- Tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng tiếp tục gia tăng, từ 1.39% trong Q2/2026 lên 1.56% cuối Q3/2026, với mức tăng đáng kể tại EIB (+141 điểm), ABB (+105 điểm), SHB (+61 điểm), MSB (+42 điểm), VPB (+39 điểm), MBB (+34 điểm), BID (+32 điểm). HDB ghi nhận tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm (-84 điểm) nhưng nợ xấu lại gia tăng, cho thấy dấu hiệu chuyển nhóm nợ xấu. Áp lực nợ nhóm 2 gia tăng xuất hiện ở nhiều ngân hàng hơn cho thấy rủi ro chuyển nhóm từ các khoản nợ cần chú ý vẫn là yếu tố cần theo dõi trong những quý tới. Theo quan điểm của chúng tôi, những diễn biến này cho thấy khả năng trả nợ của khách hàng đang chịu áp lực trong bối cảnh lãi suất tăng cao, đặc biệt là các khách hàng cá nhân, doanh nghiệp SME, hộ kinh doanh.

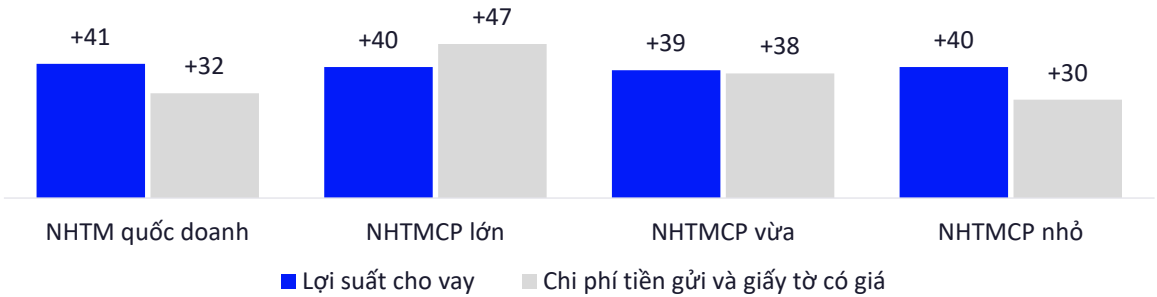
- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) toàn ngành giảm từ 79% trong Q2/2026 xuống 75% vào Q3/2026, chủ yếu đến từ việc STB ghi nhận LLR giảm mạnh từ 57% xuống 35% khi sử dụng khoảng 15.6 nghìn tỷ đồng dự phòng để xóa nợ. Nếu loại trừ STB, tỷ lệ bao phủ nợ xấu của 26 ngân hàng còn lại tương đối ổn định, chỉ giảm từ 83% xuống 82%. Trong thời gian tới, chúng tôi cho rằng áp lực trích lập dự phòng sẽ còn tiếp diễn, tập trung tại những ngân hàng có nợ nhóm 2 gia tăng và bộ đệm dự phòng thấp.

NIM ổn định nhờ lợi suất cho vay tăng cao hơn huy động, nhưng áp lực giảm vẫn hiện hữu

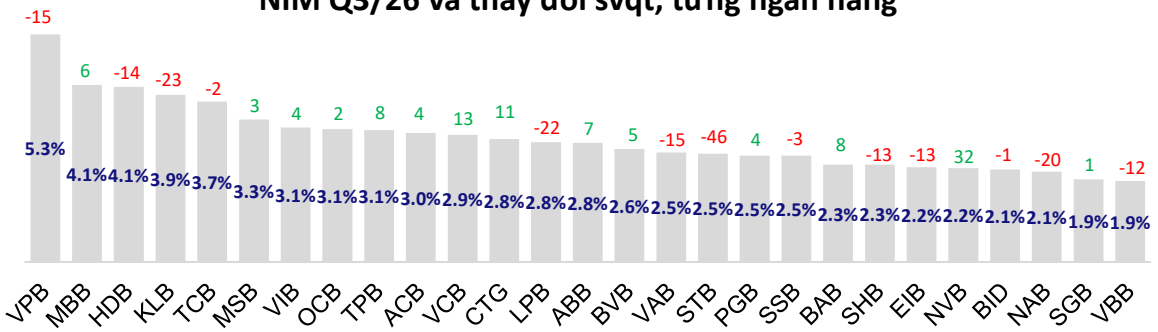
Diễn biến NIM, lợi suất tài sản và chi phí vốn



Thay đổi lợi suất cho vay và chi phí huy động svqt (điểm cơ bản)



NIM Q3/26 và thay đổi svqt, từng ngân hàng



Nguồn: S&I Ratings

- NIM (trượt 4 quý) của 27 ngân hàng niêm yết gần như đi ngang ở mức 3.03% tại cuối Q3/2026 (+1 điểm cơ bản svqt) sau khi liên tục giảm kể từ năm 2025. Xu hướng NIM vẫn tiếp tục phân hóa giữa các nhóm ngân hàng. Các NHTM quốc doanh duy trì đà phục hồi, với NIM tăng thêm 7 điểm cơ bản svqt, ngoại trừ BID (-1 điểm cơ bản svqt). Ngược lại, NIM của nhóm NHTMCP quy mô lớn và vừa cùng giảm 5 điểm, NHTMCP nhỏ giảm 1 điểm cơ bản, dù tốc độ thu hẹp đã chậm lại so với quý 2. Tuy vậy, **mức giảm của nhóm NHTMCP lớn chủ yếu đến từ STB (-46 điểm).** Nếu loại trừ STB, NIM của các ngân hàng lớn còn lại gần như đi ngang.

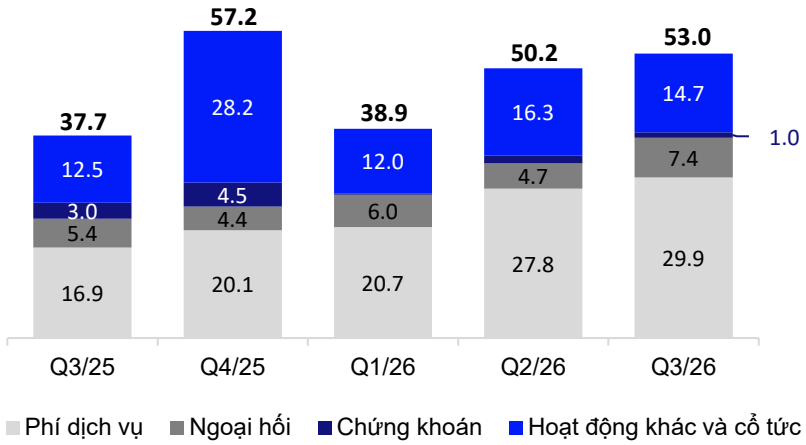
- **Lợi suất cho vay tăng nhanh hơn chi phí huy động, góp phần giúp NIM ổn định.** Trong Q3/2026, lợi suất cho vay toàn ngành tăng 41 điểm cơ bản, vượt mức tăng 39 điểm cơ bản của chi phí tiền gửi. Chênh lệch cải thiện rõ nhất tại nhóm NHTM quốc doanh (lợi suất cho vay +41 điểm cơ bản so với chi phí tiền gửi +32 điểm cơ bản). Lợi thế nguồn vốn rẻ với tỷ lệ CASA cao nhất ngành (khoảng 25%), giúp hạn chế một phần tác động từ chi phí huy động kỳ hạn tăng cao. Trong khi đó, diễn biến NIM tại các ngân hàng quy mô lớn trái chiều. NIM của VPB (-15 điểm), HDB (-14 điểm) giảm khi chi phí tiền gửi tăng mạnh (lần lượt +54 và +51 điểm cơ bản) so với lợi suất cho vay (+35 và +31 điểm cơ bản), có thể phản ánh việc tăng cường huy động có kỳ hạn khi tín dụng tăng nhanh. Ngược lại, MBB (+6 điểm), ACB (+4 điểm) duy trì NIM tương đối ổn định.

- **Triển vọng NIM trong thời gian tới:** Chúng tôi đánh giá NIM các ngân hàng vẫn chịu áp lực do độ trễ điều chỉnh chi phí vốn và định hướng giảm mặt bằng lãi suất của NHNN. Mặc dù các ngân hàng đã bắt đầu giảm lãi suất huy động tối thiểu 0.5%/năm từ kỳ hạn 6 tháng trở lên theo chỉ đạo của NHNN trong tháng 10/2026 tại Công văn 9736/NHNN-CSTT, chi phí vốn bình quân có thể chưa giảm tương ứng do các khoản tiền gửi kỳ hạn hiện hữu được huy động với lãi suất cao trước đó. Trong khi đó, việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay (yêu cầu giảm 1.5-2%/năm đối với các lĩnh vực ưu tiên) có thể gây áp lực trở lại lên lợi suất tài sản. Do đó, chúng tôi đánh giá NIM toàn ngành sẽ tiếp tục dao động về quanh mức 3.0% vào cuối năm nay.

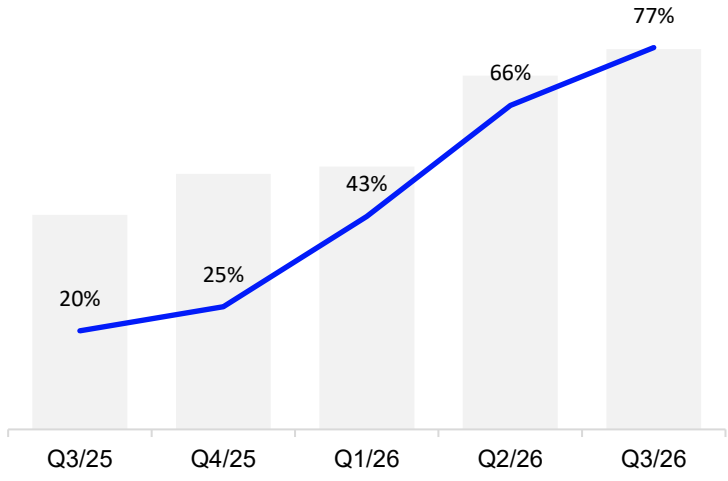
Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh, chủ yếu nhờ nguồn thu phí tăng đột biến tại một số ngân hàng

- Tổng thu nhập ngoài lãi của 27 ngân hàng niêm yết đạt 53 nghìn tỷ đồng trong Q3/2026, tăng 38.4% so với cùng kỳ. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ hoạt động dịch vụ và kinh doanh ngoại hối, trong khi lợi nhuận từ mua bán chứng khoán tiếp tục suy giảm. Đáng chú ý, tăng trưởng thu nhập dịch vụ tập trung vào một số ngân hàng với các khoản thu nhập phí tăng đột biến.
- Thu thuần dịch vụ đạt 29.9 nghìn tỷ đồng trong Q3/2026 – tăng mạnh 77% so với cùng kỳ – với STB, LPB và NAB đóng góp hơn 55% mức tăng. Cụ thể, thu dịch vụ tại STB đạt hơn 4.2 nghìn tỷ đồng (gấp 6.3 lần svck), chủ yếu đến từ phí thỏa thuận hợp tác với nhóm KHDN lớn. Tương tự, NAB và LPB cũng ghi nhận mức tăng trưởng thu từ phí dịch vụ lần lượt gấp 6.8 và 4 lần so với cùng kỳ. Thu từ hoạt động bảo hiểm cũng là điểm sáng, với mức tăng trưởng tích cực tại các ngân hàng có hệ sinh thái toàn diện, bao gồm TCB (+155%), VPB (+45%) và MBB (+18%).
- Trong khi đó, thu thuần từ mua bán chứng khoán sụt giảm 25% svck khi môi trường lãi suất không thuận lợi tiếp tục làm hạn chế khả năng hiện thực hóa lợi nhuận đầu tư. Lãi thuần kinh doanh ngoại hối đạt 7.4 nghìn tỷ đồng (+38% svck), trong đó VCB tiếp tục dẫn đầu với 2.6 nghìn tỷ đồng thu nhập (+101% svck). Hoạt động thu hồi nợ xấu đã xử lý tiếp tục là nguồn thu nhập quan trọng của toàn ngành, đạt 11.2 nghìn tỷ đồng trong Q3/2026, nhưng có xu hướng chững lại (+0.8% svck, -2.2% svqt) khi thanh khoản thị trường bất động sản suy yếu trong bối cảnh lãi suất cao.

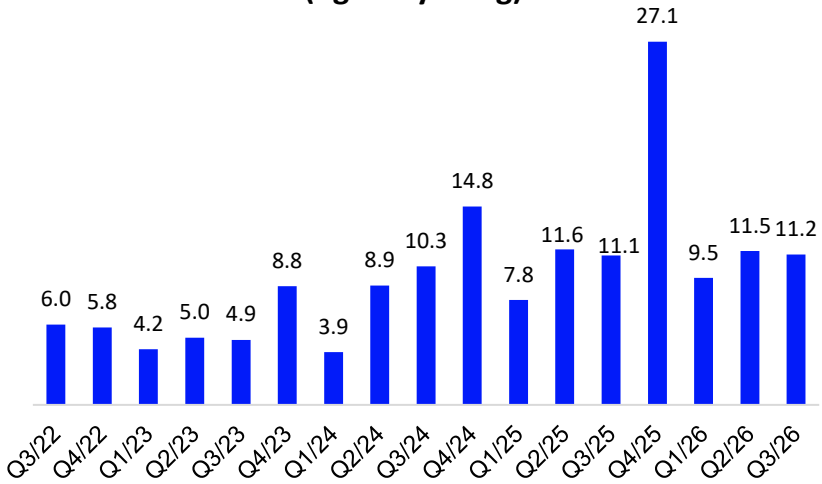
Cơ cấu thu nhập ngoài lãi (nghìn tỷ đồng)



Tăng trưởng lãi thuần HĐ dịch vụ (svck)



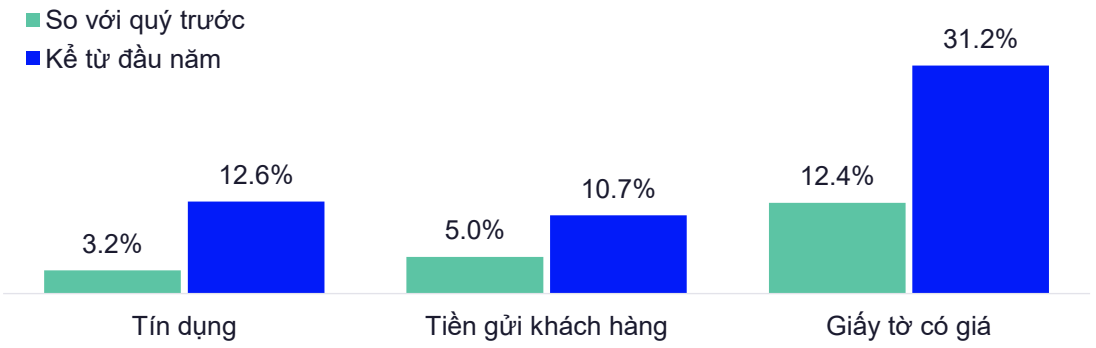
Thu nhập từ thu hồi nợ xấu đã xử lý (nghìn tỷ đồng)



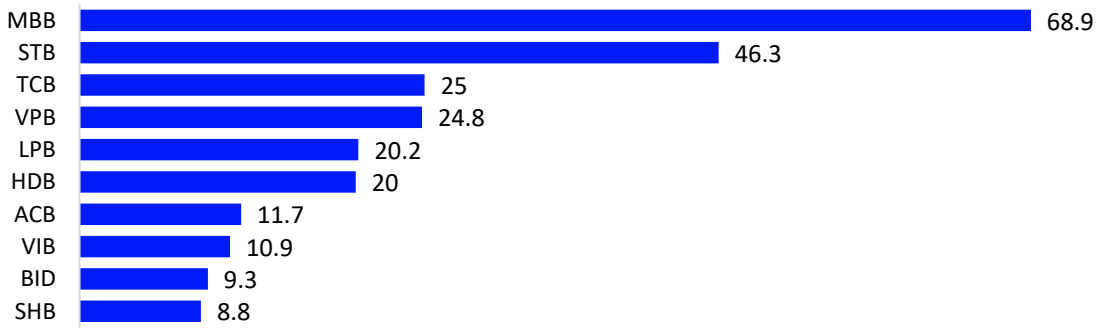
Nguồn: S&I Ratings

Huy động vốn cải thiện, nhưng chi phí vốn tiếp tục tăng

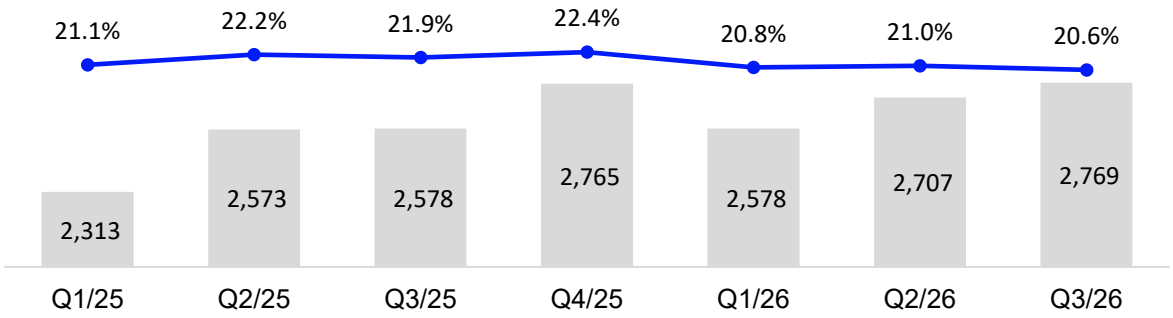
Tăng trưởng huy động vượt tín dụng trong Q3/26



Top 10 ngân hàng có mức tăng phát hành GTCG lớn nhất Q3/26 (nghìn tỷ đồng)



Quy mô và tỷ lệ CASA (nghìn tỷ đồng, %)

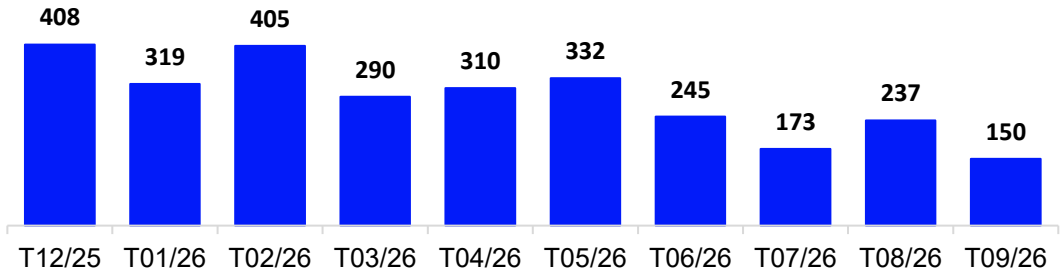


Nguồn: S&I Ratings

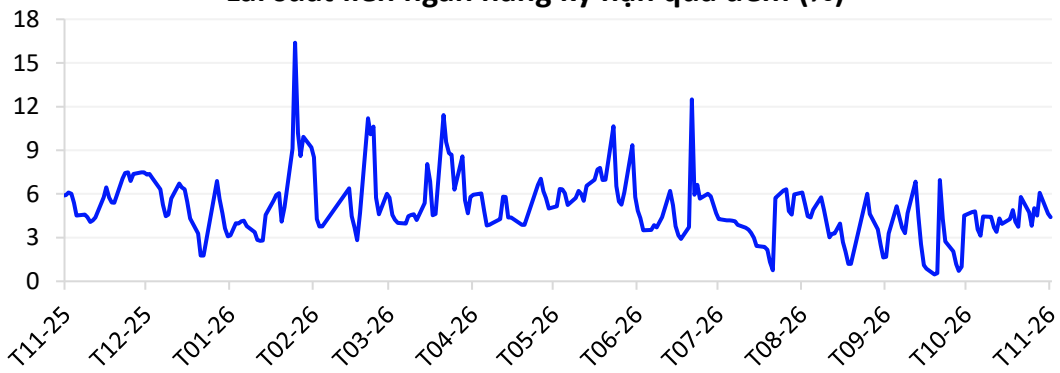
- **Huy động vốn tăng tốc trong Q3/2026**, với tiền gửi khách hàng tại 27 ngân hàng niêm yết tăng 5% so với quý trước, vượt tăng trưởng tín dụng (+3.2%) sau hai quý liên tiếp tăng chậm hơn tín dụng. Tính từ đầu năm, tiền gửi khách hàng tăng 10.7%, thấp hơn tăng trưởng tín dụng 12.6%. Các ngân hàng tiếp tục tăng cường phát hành giấy tờ có giá, với số dư tăng mạnh 12.4% trong quý và 31.2% lũy kế từ đầu năm.
- **Hoạt động huy động qua kênh giấy tờ có giá tập trung chủ yếu tại nhóm NHTMCP quy mô lớn,** với quy mô phát hành tại cuối Q3/2026 tăng 20.5% so với quý trước, đóng góp hơn 83% mức tăng toàn ngành, nổi bật tại MBB (+68.9 nghìn tỷ đồng), STB (+46.3 nghìn tỷ đồng), TCB (+25 nghìn tỷ đồng) và VPB (+24.8 nghìn tỷ đồng). Nhìn chung, các ngân hàng đẩy mạnh huy động qua kênh này cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng tín dụng cao. Trong bối cảnh cạnh tranh huy động gia tăng, phát hành giấy tờ có giá giúp ngân hàng bổ sung nguồn vốn với mức lãi suất cạnh tranh hơn tiền gửi tiết kiệm truyền thống (vốn bị áp trần tối đa 4.75%/năm kỳ hạn dưới 6 tháng). Ngoài ra, huy động vốn quốc tế cũng diễn ra sôi động trong quý 3 và đầu quý 4/2026, với các thương vụ vay vốn quy mô lớn tại VPB (1.44 tỷ USD), TCB (1 tỷ USD), SHB (940 triệu USD), HDB (721 triệu USD), ACB (500 triệu USD) và VIB (285 triệu USD).
- **Cơ cấu nguồn vốn dịch chuyển theo hướng gia tăng chi phí vốn**. Tiền gửi không kỳ hạn chỉ tăng 2.3% trong Q3/2026, thấp hơn tăng trưởng tiền gửi khách hàng (+5%), kéo tỷ lệ CASA giảm từ 21% quý trước xuống 20.6% do tiền gửi có kỳ hạn tăng trưởng mạnh hơn (+5.5%). Trong bối cảnh lãi suất tăng cao, tiền gửi tiết kiệm trở thành kênh đầu tư hấp dẫn đối với nhà đầu tư, đặc biệt khi các kênh khác như chứng khoán, bất động sản, tài sản số diễn biến kém khả quan trong 9 tháng đầu năm 2026. Việc gia tăng huy động có kỳ hạn với lãi suất cao có thể tiếp tục gây áp lực lên chi phí vốn trong thời gian tới, mặc dù lãi suất huy động đã bắt đầu điều chỉnh giảm kể từ cuối Q3/2026.

Thanh khoản hệ thống cải thiện, nhu cầu đầu tư TPCP quay trở lại

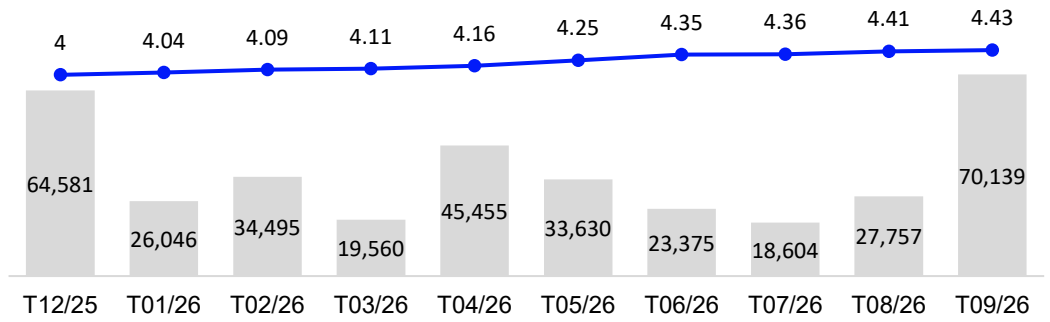
Khối lượng OMO lưu hành cuối tháng (nghìn tỷ đồng)



Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm (%)



Diễn biến thị trường TPCP sơ cấp



Ghi chú: cột - tổng KL trúng thầu (tỷ đồng), đường - lãi suất trúng thầu TPCP kỳ hạn 10 năm (%) tại phiên cuối cùng của mỗi tháng

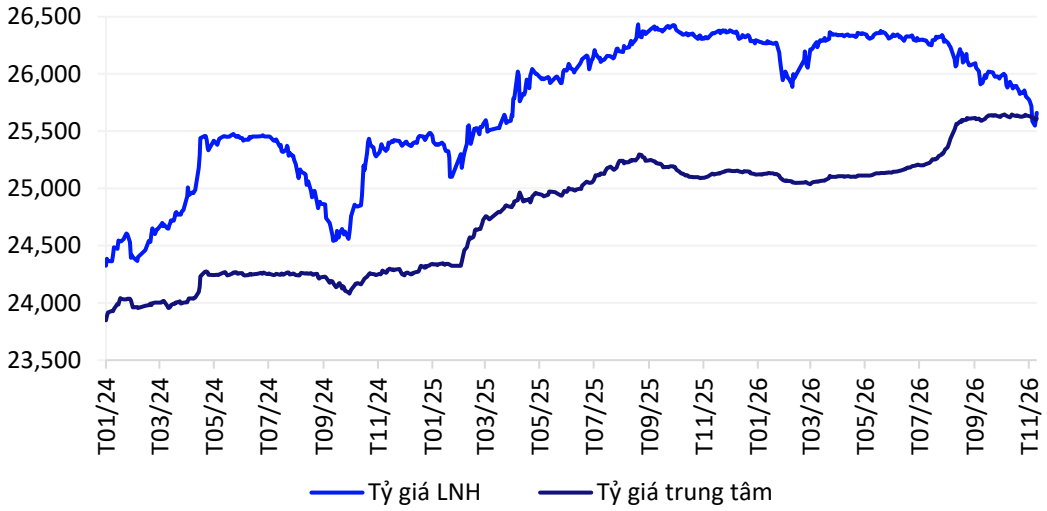
Nguồn: HNX, NHNN, S&I Ratings

- **Thanh khoản hệ thống cải thiện, NHNN thu hẹp hỗ trợ qua kênh OMO.** Áp lực thanh khoản phần nào hạ nhiệt trong Q3/2026, với lãi suất liên ngân hàng qua đêm bình quân giảm từ 4.2% tháng 8 xuống 3.4% trong tháng 9/2026. NHNN chuyển sang hút ròng 95 nghìn tỷ đồng trong quý, đưa dư nợ OMO lưu hành còn 150 nghìn tỷ đồng cuối Q3/2026 (giảm từ mức 245 nghìn tỷ đồng Q2/2026). Bên cạnh đó, tiền gửi Kho bạc nhà nước tại hệ thống ngân hàng tiếp tục được duy trì ở mức cao, với tổng số dư tại VCB, BID và CTG đạt khoảng 521 nghìn tỷ đồng cuối Q3/2026, qua đó góp phần hỗ trợ thanh khoản thị trường. Việc NHNN nâng tỷ lệ tiền gửi KBNN được tính vào LDR lên 50% từ mức 20% kể từ tháng 8/2026 đã giúp các ngân hàng phần nào giảm áp lực đáp ứng yêu cầu về thanh khoản.
- **Nhu cầu đầu tư TPCP quay trở lại khi chi phí vốn ngắn hạn hạ nhiệt.** Trong tháng 9, KBNN huy động thành công 70.1 nghìn tỷ đồng thông qua đấu thầu sơ cấp, tăng 152% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở kỳ hạn 10 năm (chiếm 63,3% tổng khối lượng trúng thầu). Lãi suất trúng thầu (kỳ hạn 10 năm) tăng từ 4% cuối năm 2025 lên 4.43% tại phiên cuối của tháng 9/2026. Sự kết hợp giữa lợi suất TPCP duy trì ở mức cao và lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt đã giúp cải thiện chênh lệch giữa lợi suất đầu tư và chi phí vốn ngắn hạn, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động đầu tư TPCP.
- Bên cạnh đó, lộ trình áp dụng các tiêu chuẩn thanh khoản theo Basel III cũng tạo thêm động lực nắm giữ TPCP đối với các ngân hàng. Theo Thông tư 50/2026/TT-NHNN, TPCP là tài sản thanh khoản chất lượng cao khi tính tỷ lệ LCR, đồng thời cũng là tài sản yêu cầu nguồn vốn ổn định thấp hơn so với các khoản cho vay khi tính tỷ lệ NSFR. Điều này cùng với cơ chế áp dụng sớm sẽ được nâng trần LDR (hoặc miễn tuân thủ nếu ngân hàng đạt LCR và NSFR ≥ 100%) cũng khuyến khích các ngân hàng gia tăng nắm giữ TPCP, bên cạnh các yếu tố về lợi suất đầu tư và chi phí vốn.

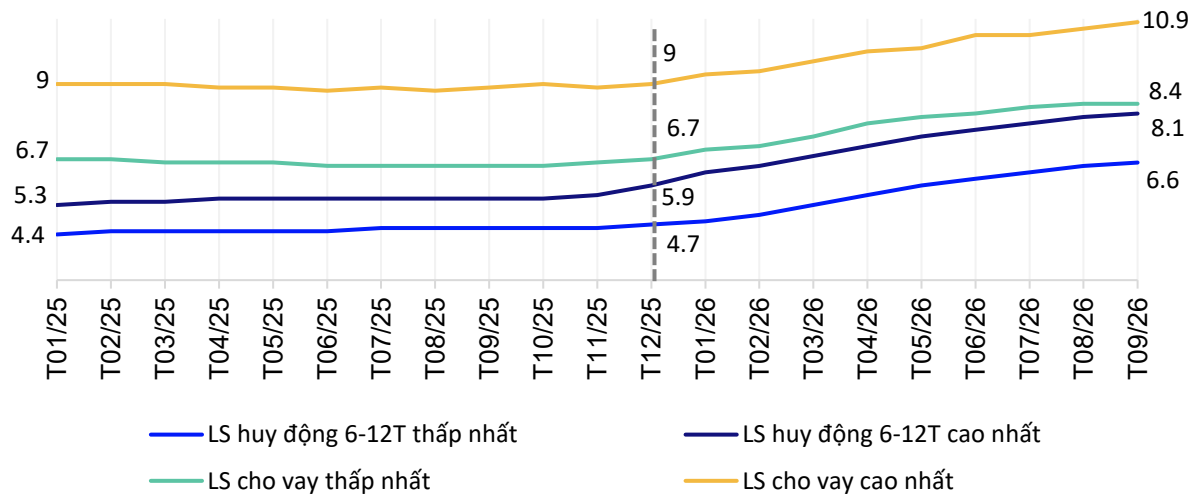
Tỷ giá hạ nhiệt tạo thêm dư địa điều hành cho NHNN

- Tỷ giá USD/VND liên ngân hàng giảm về khoảng 25,970 VND/USD cuối tháng 9/2026 (-1.22% so với cuối năm 2025) và tiếp tục hạ nhiệt trong nửa đầu Q4/2026 khi cung cầu ngoại tệ có xu hướng cải thiện. Diễn biến này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho NHNN trong điều hành chính sách, với nhiều biện pháp hỗ trợ có trọng tâm được triển khai.
  - Yêu cầu các ngân hàng giảm lãi suất ít nhất 0.5%/năm đối với lãi suất tiền gửi mới kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Đồng thời, giảm 1.5-2%/năm lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và lĩnh vực ưu tiên.
  - NHNN triển khai hoán đổi ngoại tệ kỳ hạn 6 tháng (trước đó chỉ 7-14 ngày) với quy mô 2 tỷ USD, tương đương khoảng 50 nghìn tỷ đồng VND được cung ứng cho các ngân hàng. Lần triển khai này cho phép nguồn cung VND được duy trì lâu hơn, qua đó giảm áp lực vay vốn thường xuyên.
  - NHNN triển khai mua USD giao ngay từ ngày 11/11/2026 ở mức 25,500 VND/USD. Đây là tín hiệu tích cực đối với thanh khoản hệ thống, vì hoạt động này giúp tăng tiền cơ sở (MB) nếu NHNN không trung hòa lượng thanh khoản được bơm ra. Tuy vậy, tỷ giá USD/VND đã đảo chiều tăng trở lại trong các ngày đầu triển khai, cho thấy tác động tích cực còn phụ thuộc vào dòng vốn USD chảy vào.
- **Thanh khoản cải thiện, mặt bằng lãi suất dần ổn định nhưng khó giảm mạnh trên diện rộng.** Trong thời gian tới, chúng tôi kỳ vọng các biện pháp điều hành của NHNN sẽ góp phần ổn định thanh khoản, từ đó giảm áp lực lên lãi suất, đặc biệt trong giai đoạn cuối năm. Tuy vậy, nhu cầu vốn của nền kinh tế ở mức cao trong bối cảnh hiện nay, trong khi hệ thống ngân hàng vẫn là kênh cung ứng vốn chủ đạo khi các kênh huy động vốn dài hạn khác chưa thực sự phát huy vai trò, vẫn là những yếu tố then chốt khiến lãi suất khó có thể giảm mạnh.

Diễn biến tỷ giá



Lãi suất cho vay và LS huy động kỳ hạn 6-12T bình quân (%)



Nguồn: NHNN, S&I Ratings

Phụ lục: Danh sách phân loại các ngân hàng

S&I Ratings

STT	Mã	Tên ngân hàng	Phân loại
1	BID	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	NHTM Quốc doanh
2	CTG	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam	NHTM Quốc doanh
3	VCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam	NHTM Quốc doanh
4	ACB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	NHTMCP Lớn
5	HDB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	NHTMCP Lớn
6	MBB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	NHTMCP Lớn
7	SHB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội	NHTMCP Lớn
8	STB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Tài Lộc	NHTMCP Lớn
9	TCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam	NHTMCP Lớn
10	VPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	NHTMCP Lớn
11	EIB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	NHTMCP Vừa
12	LPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Lộc Phát Việt Nam	NHTMCP Vừa
13	MSB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam	NHTMCP Vừa
14	NAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á	NHTMCP Vừa
15	OCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông	NHTMCP Vừa
16	SSB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Nam Á	NHTMCP Vừa
17	TPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Tiên Phong	NHTMCP Vừa
18	VIB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam	NHTMCP Vừa
19	ABB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình	NHTMCP Nhỏ
20	BAB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	NHTMCP Nhỏ
21	BVB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bản Việt	NHTMCP Nhỏ
22	KLB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kiên Long	NHTMCP Nhỏ
23	NVB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân	NHTMCP Nhỏ
24	PGB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Thịnh Vượng Và Phát Triển	NHTMCP Nhỏ
25	SGB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương	NHTMCP Nhỏ
26	VAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á	NHTMCP Nhỏ
27	VBB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín	NHTMCP Nhỏ

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được thực hiện nhằm cung cấp thông tin tham khảo và nhận định về diễn biến, các yếu tố ảnh hưởng và triển vọng của ngành được đề cập. Các nhận định, ước tính và dự báo trong báo cáo chỉ phục vụ mục đích tham khảo, phản ánh đánh giá tại thời điểm công bố và có thể thay đổi khi có thông tin mới.

Báo cáo này không phải là khuyến nghị để mua, bán hoặc nắm giữ chứng khoán, công cụ nợ hoặc bất kỳ quyết định đầu tư nào. Trong mọi trường hợp, S&I Ratings sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại hoặc hậu quả nào từ việc ra quyết định đầu tư, trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan việc sử dụng thông tin trong báo cáo.

Dữ liệu phân tích được thu thập từ các nguồn mà S&I Ratings cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, có thể xảy ra những sai sót liên quan đến con người và/hoặc máy móc trong việc thu thập, S&I Ratings không đảm bảo tính chính xác, đầy đủ hoặc kịp thời của bất kỳ thông tin nào và sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại nào phát sinh từ các dữ liệu trên.

Vui lòng không sao chép, chỉnh sửa, tái bản, truyền tải hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần nội dung báo cáo, dưới bất kỳ hình thức nào, nếu không có chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty cổ phần Xếp hạng tín nhiệm S&I.

S&I Ratings | 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội | Website: www.sniratings.com.vn